

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7 - 2025

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa

2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Quảng Trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Tiểu khu xung kích, thị trấn Nô, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Tiểu khu xung kích, xã N, tỉnh Quảng Trị). Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là tổ dân phố 2, phường B, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt và có Đơn xin xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 26 tháng 03 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/10/1989. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu

thuần, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân 17 năm (từ năm 2008 đến nay) không ai quan tâm đến ai, mỗi người một nơi. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung: Nguyễn Văn C, sinh năm 1994 và Nguyễn Khánh H, sinh năm 1996. Hiện tại 02 con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị N có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/10/1989. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2002 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Nguyệt thiếu tôn trọng ông và đã bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà N làm đơn ly hôn thì ông có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Nguyễn Thị N có 02 con chung: Nguyễn Văn C, sinh năm 1994 và Nguyễn Khánh H, sinh năm 1996. Hiện tại 02 con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà N không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

- + Xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Thanh T

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn Thanh T
- + Về con chung và tài sản chung: Không xem xét;
- + Về án phí: Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Hiện tại bị đơn ông Nguyễn Thanh T đang cư trú tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là tổ dân phố 2, phường B, tỉnh Quảng Trị). Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Quảng Trị).

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh T. Tuy nhiên, ông T đã có Đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Thanh T

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại bà N và ông T đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, xử cho bà Nguyễn được ly hôn ông T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Bà N và ông T có 02 con chung, hiện tại đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N, ông T không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N thuộc diện người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí theo quy định. Vì vậy, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà Nguyễn Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh T
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T
3. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không xem xét.
4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí
5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà